

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 30/9/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông

- Th- ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXX- ST ngày 26/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐ- ST ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đ- ong sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1970

Tên gọi khác: Nguyễn Thị S

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969

Đều ở địa chỉ: thôn XC, xã LL, huyện KM, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1939

Địa chỉ: thôn TL, xã TL1, huyện KM, tỉnh Hải Dương

+ Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1999

Địa chỉ: thôn XC, xã LL, huyện KM, tỉnh Hải Dương

Chị X có mặt; anh H, bà X1 và chị P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ vợ chồng : Chị X và anh H được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LL, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/11/1991. Sau kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn kinh tế tại địa phương, cùng nhau nuôi dạy 03 con chung. Thời gian đầu cuộc vui vẻ bình thường. Nhưng nhiều năm nay, vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung, chỗ ở và việc nuôi dạy con chung nên xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống không có hạnh phúc. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, hai bên không có tiếng nói chung nên chị X và anh H đã sống ly thân về tình cảm từ nhiều tháng nay, hai bên không còn quan tâm chăm lo gì cho nhau, việc ai người đó làm, độc lập trong làm ăn kinh tế. Nay, chị X xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị X được ly hôn anh H để hai bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng chị X, anh H có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/8/1992, Nguyễn Thị P1, sinh ngày 24/7/1994 và Nguyễn Thị Thu P, sinh 28/10/1999. Hiện cả 03 con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét phân chia giao nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện chị X không có gì tranh chấp, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành thủ tục giao cho anh H thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên hòa giải; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H đều đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án Tòa án.

Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân xã LL và đại diện thôn XC, phản ánh nội dung: Chị X, anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LL

vào ngày 01/11/1991. Cuộc sống vợ chồng chị X, anh H thời gian vừa qua có những bất đồng về quan điểm sống, cách nghĩ cách làm hàng ngày.

Bà Nguyễn Thị X1 và chị Nguyễn Thị Thu P có lời khai xác nhận: Chị X, anh H nhiều tháng qua vợ chồng sống không hòa thuận hạnh phúc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí, xử: Chị X phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị X và anh H được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LL, huyện KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/11/1999 nên đ- ợc xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh H đang cư trú tại huyện KM nên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị X là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân;* Căn cứ đơn và yêu cầu của chị X xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của đ- ơng sự trình bày tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa ph- ơng nơi đ- ơng sự c- trú, lời trình bày của đại diện gia đình đương sự và các tài liệu đ- ợc thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị X, anh H nhiều năm nay không đ- ợc hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết đ- ợc, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nh- ng tình trạng vợ chồng vẫn không đ- ợc cải thiện. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên nhiều tháng nay vợ chồng đã sống ly thân về tình cảm, độc lập trong làm ăn kinh tế, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân anh H đã nhận đ- ợc

thông báo phiên hòa giải nh- ng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh H cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị X, anh H đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt đ- ợc nên cần chấp nhận yêu cầu của chị X, xử cho chị X đ- ợc ly hôn anh H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung*: Vợ chồng chị X, anh H có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/8/1992, Nguyễn Thị P1, sinh ngày 24/7/1994 và Nguyễn Thị Thu P, sinh 28/10/1999. Hiện cả 03 con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra việc xem xét, giao nuôi con chung là đúng quy định.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng)*: Hiện chị X không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn anh H không có mặt tại Tòa, không có ý kiến gửi Tòa án về quan điểm đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) nên theo quy định Tòa án không xem xét, giải quyết về nội dung này trong vụ án. Sau này các đ- ơng sự có tranh chấp sẽ đ- ợc xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị X phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh H không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng)*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Sau này các đ- ơng sự có tranh chấp sẽ đ- ợc xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị X phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008003 ngày 26/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải D- ơng. Chị X đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

4. □n xử công khai sơ thẩm. Tòa án báo cho chị X biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H biết đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- UBND xã LL;
- L- u hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết